|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS VĨNH AN – TÂN LIÊN  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Môn: KHTN – Lớp 6**  *Thời gian làm bài 60 phút* |

**I. Khung ma trận**

**1. Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì II Tuần 28*

**2. Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**3. Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 16 câu ), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *( Thông hiểu: 3 điểm; Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

**5. Chi tiết khung ma trận**

**KHUNG MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN, số ý TL** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| ***Đa dạng thế giới sống*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***CĐ1: Phân loại thế giới sống (2 tiết)*** |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| ***CĐ2: Virus và vi khuẩn***  ***(4 tiết)*** |  | **2** |  |  |  |  | **1 câu**  **1 đ** |  | 1 | 2 | 1,5 |
| ***CĐ3: Đa dạng nguyên sinh vật (3 tiết)*** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| ***CĐ 4: Đa dạng nấm***  ***(3 tiết)*** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1,0 |
| ***CĐ5: Đa dạng thực vật***  ***(9 tiết)*** |  | **3** |  |  | **1 câu**  **2 đ** |  |  |  | 1 | 3 | 2,75 |
| ***CĐ6: Đa dạng động vật***  ***(9 tiết)*** |  | **3** | 1 câu  2 đ |  |  |  |  |  | 1 | 3 | 2,75 |
| ***CĐ7: Bảo vệ đa dạng sinh học (3 tiết)*** |  |  | 1 câu  1 đ |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,0 |
| **Số câu TN, số ý TL** |  | **16** |  |  | **1 câu** |  | **1** | **0** | 4 câu | **16** | 10,00 |
| **Điểm số** |  | **4** | **3đ** |  | **2 đ** |  | **1** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**II.BẢN ĐẶc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL | TN |
| **Đa dạng thế giới sống** | | |  |  |  |  |
| ***CĐ1: Phân loại thế giới sống***  ***vật (2T)*** | **Nhận biết** | - Biết phân loại các sinh vật trong giới sinh vật  - Nhận biết được sinh vật theo thức tự từ thấp đến cao trong giới sinh vật  -Nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân trong phân loại một số nhóm thực vật |  | **3** |  | C1,2,3 |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐ 2:**  **Virus và vi khuẩn ( 4 tiết)** | **Nhận biết** | - Biêt cấu tạo đơn giản của virut, vi khuẩn, phân biệt được virut và vi khuẩn |  | **2** |  | C4; 5 | |
|  | - Nêu được một số bệnh do virut, bệnh do vi khuẩn gây nên và cách phòng chống bệnh do virut và vi khuẩn. |  |  |  |  | |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được vi khuẩn và vi rus |  |  |  |  | |
| - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. |  |  |  |  | |
| **Vận dụng** | Vận dụng được hiểu biết về virut và vi khuẩn để giải thích cho một số hiện tượng trong thực tiễn. | **Y1**  **Y2** |  | C20 |  | |
| **CĐ3:**  **Đa dạng nguyên sinh vật( 1 tiết )** | **Nhận biết** | -Nhận biết một số đối tượng nguyên sinh vật. |  | **1** |  | C6 | |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).  - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  | |
|  | - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  |  |  |  | |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  | |
| **CĐ4: Đa dạng của Nấm ( 3 tiết)** | **Nhận biết** | - Nhận biết được một số đại diện nấm.  - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và cách phòng tránh.  - Vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn |  | **4** |  | C7,8,9,10 | |
| - **Thông hiểu:** | -Trình bày được sự đa dạng nấm và vai trò của nấm. |  |  |  |  | |
| **-Vận dụng:** | Vận dụng được hiểu biết về nấm để giải thích một số hiện tượng liên quan trong đời sống.  - Quan sát và vẽ được hình một số loại nấm. |  |  |  |  | |
| **CĐ 5: Đa dạng thực vật (10 tiết)** | **Nhận biết** | Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên |  | 3 |  | | C11,12,13 |
|  | **Thông hiểu** | Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn( rêu), thực vật có mạch dẫn, không có hạt ( dương xỉ), thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa ( hạt trần), thực vật có mạch dẫn, có hạt, có hoa ( hạt kín). | **Y1**  **Y2** |  | C19 | |  |
| **CĐ 6: Đa dạng động vật ( 10 Tiết)** | **Nhận biết** | - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống  -Biết được đặc điểm chung của ĐVKXS và ĐVCXS  -Biết phân loại động vật |  | **3** |  | | C 14,15,16 |
| **Thông hiểu** | - Phân loại động vật không xương sống và có xương sống, lấy được ví dụ minh họa.  - Hiểu được vai trò và tác hại của động vật | **Y1**  **Y2** |  |  | | C17 |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  | |  |
| **CĐ 7: Đa dạng sinh học (3 tiết)** | - **Thông hiểu:** | Hiểu được tác hại của phá rừng.  - Hiểu các biện pháp bảo vệ rừng . | **Y1**  **Y2** |  | C18 | |  |
| - **Vận dụng:** | Giải thích được vì sao cần bảo về đa dạng sinh học. |  |  |  | |  |

**III.ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM. Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng ( 4 điểm)**

Câu 1. Giới sinh vật được phân loại gồm:

A. Giới thực vật, giới động vật, giới nấm, động vật có xương sống.

B. Giới thực vật, giới động vật, giới nguyên sinh, giới khởi sinh, ngành giun

C. Giới thực vật, giới động vật, giới nguyên sinh, giới khởi sinh, giới nấm.

D. Giới thực vật, lớp cá, lớp chim, ngành ruột khoang, giới nguyên sinh.

***Câu 2***: Thế giới sống được phân thành các nhóm theo trình tự từ nhỏ đến lớn là:

1. Loài →chi→ họ →bộ →lớp→ ngành→ giới

B.Chi→ họ →bộ →lớp →ngành→ giới→ loài

1. Loài→ chi →bộ →họ →lớp→ ngành→ giới
2. Loài →chi→ lớp →họ→ bộ →ngành→ giới

Câu 3. Thỏ là sinh vật nằm trong giới sinh vật :

A. Giới khởi nguyên B. Giới thực vật C.Giới động vật D. Giới nấm

Câu 4. Cấu tạo của virus gồm:

A. Vỏ Protein và lõi vật chất di truyền B. Màng, vỏ protein C. Tế bào chất, nhân D. Nhân, Màng tế bào

Câu 5. Bệnh nào sau đây do virus gây ra?

A. Viêm gan B B. Bệnh sốt rét C. Bệnh kiết lị D.Bệnh Hắc lào

**Câu 6. Sinh vật nào sau đây thuộc nguyên sinh vật?**

A. Nấm mốc B. Nấm rơm C. Virus HIV D. Trùng roi xanh

Câu 7. Nấm nào sau đây có hại?

A. Nấm rơm B. Nấm sò C. Nấm mốc D. Nấm Linh chi

Câu 8. Biện pháp nào sau đây không phòng tránh bệnh nấm là:

A. Vệ sinh cá nhân sạch sẽ B. Vệ sinh môi trường, nơi ở khô ráo

C. Môi trường sống đủ ánh sáng D. Để đồ nơi ẩm ướt

Câu 9. Loại nấm nào được **không**  trồng để cung cấp thực phẩm?

A. Nấm rơm, nấm sò. B. Nấm kim châm C. Nấm hương D. Nấm mốc

Câu 10. Biểu hiện của bệnh hắc lào là:

A. Vùng da có dạng tròn, đóng vẩy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.

B. Vùng da có dạng tròn, không có vẩy, gây ngứa.

C. Vùng da có thể sưng đỏ và không gây ngứa.

D. Vùng da không sưng đỏ và không gây ngứa, đóng vảy

Câu 11. Đặc điểm của rêu là:

A. Có rễ giả, thân và lá không có mạch dẫn B. Có mạch dẫn C. Có Hoa D. Có quả

Câu 12. Điều nào sau đây **không** phải là vai trò của thực vật ?

A. Giúp cân bằng khí O2 và CO2 trong khí quyển B. Điều hòa không khí

C. Cung cấp thức ăn cho người và động vật D. Làm tăng hiệu ứng nhà kính.

Câu 13. Cơ quan sinh sản của dương xỉ là:

A. Bào tử B. Nón C. Quả D. Hạt

Câu 14. Động vật nào sau đây thuộc ngành ruột khoang?

A. Thủy tức B. Giun đũa C. Giun đất D. Tôm

Câu 15. Đặc điểm chung của động vật không xương sống là?

A. Có xương sống B. Không có xương sống C. Hô hấp bằng phổi D. Đẻ con và nuôi con bằng sữa

Câu 16. Loài nào sau đây gây bệnh ở người?

A. Giun đũa B. Tôm C. Cua D. Cá trắm

**PHẦN II. TỰ LUẬN ( 6 Đ)**

**Câu 17** (2,0 đ) .

a ( 1điểm). Hãy điền các động vật sau vào bảng phân loại cho đúng: Cá mực, trai sông, giun đũa, thủy tức, châu chấu, rắn, cá mè, ếch , gà, khỉ, trùng roi xanh.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Động vật không xương sống** | | | | | **Động vật có xương sống** | | | | |
| Ngành ruột khoang | Các ngành giun | Thân mềm | Chân khớp | Lớp cá | | Lưỡng cư | Bò sát | Chim | Thú |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |

b. ( 1điểm) Hãy kể tên 5 loài sinh vật gây hại cho cây trồng?

**Câu 18 (1,0 đ) .**Em hãy quan sát hình ảnh bên và nêu quan điểm của em về hậu quả của việc tàn phá rừng và đề ra biện pháp bảo vệ và phát triển rừng.



**Câu 19. ( 2 điểm).** Phân biệt thực vật hạt trần và thực vật hạt kín? Nêu ví dụ?

**Câu 20.( 1,0 điểm).** Vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu? Tại sao chúng ta không nên ăn những thức ăn đã bị ôi thiu?

**IV.ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM. ( 4 ĐIỂM)**

Mỗi câu đúng 0,25 đ x 16 = 4 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| ĐA | C | A | C | A | A | D | C | D | D | A | A | D | A | A | B | A |

**PHẦN II. TỰ LUẬN ( 6 Đ)**

**Câu 17** (2,0 đ) .

a ( 1điểm). Cá mực, trai sông, giun đũa, thủy tức, châu chấu, rắn, cá mè, ếch , gà, khỉ, trùng roi xanh.

Mỗi đv xếp đúng 0,1 đ x 10 = 1đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Động vật không xương sống** | | | | | **Động vật có xương sống** | | | | |
| Ngành ruột khoang | Các ngành giun | Thân mềm | Chân khớp | Lớp cá | | Lưỡng cư | Bò sát | Chim | Thú |
| Thủy tức | Giun đũa | Cá Mực,  trai sông | Châu chấu | Cá mè | | ếch | Rắn | Gà | Khỉ |

b. ( 1điểm) Kể tên được mỗi loài 0,2 đ x5 = 1 đ

**Câu 18 (1,0 đ) .**Em hãy quan sát hình ảnh bên và nêu quan điểm của em về nguyên nhân, hậu quả của việc tàn phá rừng . Đề ra biện pháp bảo vệ và phát triển rừng.



a. Hậu quả. (0,5 đ)

* Suy giảm đa dạng sinh học có thể dẫn đến tính trạng thiếu lương thực, thực phẩm, gây biến đổi khí hậu, gia tăng thiên tai lũ lụt, hạn hán, đói nghèo, dịch bệnh, đất bị xói mòn, bạc màu, phá vỡ chu kì nước.
* Động và thực vật quý hiếm bị giảm, diện tích rừng bị thu hẹp.
* Làm tăng lượng CO2 trong khí quyển, giảm oxi, gây hiệu ứng nhà kính.
* Làm mất cân bằng sinh thái

b. Biện pháp bảo vệ rừng. (0,5 đ)

- Tích cực trồng và bảo vệ rừng.

- Ngăn chặn việc phá rừng bừa bãi   
 - Xây dựng các khu bảo tồn, dự trữ sinh quyển.

- Cấm,buôn bán và xuất khẩu các loài động, thực vật quý hiếm.

* Cấm săn bắt động vật hoang dã

- Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

* Tuyên truyền các luật bảo vệ môi trường, bảo vệ phát triển rừng.
* Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Câu 19. ( 2 điểm). Phân biệt thực vật hạt trần và thực vật hạt kín? Mỗi loại lấy 5 ví dụ?

a. Phân biệt Thực vật Hạt Trần, thực vật hạt kín. (1 đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Thực vật hạt trần** | **Thực vật hạt kín** |
| Cơ quan  sinh dưỡng | Rễ cọc | Rễ cọc, rễ chùm..... |
| Thân gỗ hoặc thân | Thân gỗ, thân cỏ, thân bò, thân leo...... |
| Lá hình kim | Lá đơn, lá kép..... |
| Cơ quan sinh sản | Chưa có hoa và quả  Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các lá noãn hở | Cơ quan sinh sản là hoa quả, hạt |

b. Ví dụ:

Thực vật hạt trần: Thông, Pơmu, hoàng đàn, vạn tuế, bách tán. (0,5 đ)

Thực vật hạt kín:........................................................................ (0,5 đ)

**Câu 20.( 1,0 điểm).** Vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu? Tại sao chúng ta không nên ăn những thức ăn đã bị ôi thiu?

a. Thức ăn bị ôi thiu: (0,5 đ)

Ôi thiu là **tình trạng các vi khuẩn có hại tồn tại trong không khí**, khi đồ ăn để ngoài môi trường thì nó sẽ bị xâm nhập và làm thối rữa.

Đồ ăn để trong môi trường tự nhiên, nhất là **những ngày nắng nóng sẽ đẩy nhanh quá trình thức ăn bị hư hỏng.**

Ngoài ra, đồ ăn không được bảo quản cẩn thận như **không đậy kín, trộn lẫn các thức ăn với nhau, để trong tủ lạnh quá lâu,...** cũng là một nguyên nhân dẫn đến đồ ăn bị thiu.

b. Tác hại của việc ăn thức ăn bị ôi thiu. (0,5 đ)

+ Gây ngộ độc thực phẩm, có thể tử vong

+ Gây nên rất nhiều các căn bệnh ung thư

+ Gác cơ quan như thận,ruột non,ruột già... bị tổn thương

+ Gây nên các căn bệnh nguy hiểm

.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  (*Kí, ghi rõ họ tên)* | **NHÓM TRƯỞNG**  (*Kí, ghi rõ họ tên)* | **CÁC THÀNH VIÊN**  (*Kí, ghi rõ họ tên)* |